

SỞ Y TẾ TÂY NINH
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN
TÂN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 81/TB-TTYTTC
V/v mời chào giá "Hoá chất xét
nghiệm" phục vụ người bệnh tại
Trung tâm y tế huyện Tân Châu tỉnh
Tây Ninh

Tân Châu, ngày 22 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO

Kính gửi: Quý Công ty sản xuất, kinh doanh

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: "Hoá chất xét nghiệm" phục vụ người bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh. Trung tâm Y tế huyện Tân Châu kính mời quý công ty sản xuất, kinh doanh (có đủ năng lực) tham gia gửi hồ sơ báo giá các mặt hàng "Hoá chất xét nghiệm" với nội dung (Danh mục đính kèm).

1. Thời hạn gửi hồ sơ báo giá: Chậm nhất ngày 24/02/2023

2. Hồ sơ chào giá gồm có:

Đơn giá báo giá của Công ty đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí cần thiết để cung ứng đến Khoa Dược – TTBVTTYT Trung tâm y tế huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. (theo mẫu tại phụ lục 1 kèm theo)

3. Hồ sơ chào giá xin gửi về: Khoa Dược –TTBVTTYT Trung tâm y tế Huyện Tân Châu, số 58 đường Lê Duẩn, khu phố IV, Thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Phong bì xin ghi rõ: Báo giá "Hoá chất xét nghiệm" Hồ sơ file mềm và Bản scan gửi về địa chỉ thư điện tử khoaduocttytc@gmail.com

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Thông tin điện tử TTYT Tân Châu;
- Bên mời thầu TTYT Tân Châu;
- Lưu VT, KD-TTBVTY



Võ Thị Ngọc Mai

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM
(Ban hành kèm theo Thông báo số 81/TTYT ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Trung tâm y tế huyện Tân Châu)

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Số lượng	Ghi chú
1	Isotonac 3	Dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	Can	Can 18 L	15	
2	Dung dịch Hemolynac 3	Dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu để đo Hemoglobin Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không màu Độ pH: 7.0 đến 7.6 Thành phần: Dung dịch hoạt động bề mặt cation	Can	Can 500 ml	6	
3	Cleanac	Dung dịch rửa Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh Độ pH: 8.0 đến 8.6 Thành phần: ethylene glycol monophenyl ether	Can	Can 5 L	3	
4	Glucose	Đo nồng độ Glucose trong huyết tương và huyết thanh, nước tiểu hoặc CSF. Thành phần: R1 - Glucose GOD PAP reagent (Phosphate buffer, Glucose oxidase, Peroxidase, 4-Amino-antipyrine, Chloro-4-phenol); R2 - Glucose GOD PAP standard. Dải tuyến tính: 8 - 500 mg/dL. Giới hạn phát hiện: Khoảng 2 mg/dL. Độ nhạy tính toán: khoảng 0.060 Abs. cho 10 mg/dL. C.V: 1.1 % (mức cao). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 :2016	Hộp	R1: 2 x 200 ml R2: 1 x 5 ml	4	
5	AST/GOT	Đo nồng độ men gan AST trong huyết tương và huyết thanh. Thành phần: R1 - Buffer enzymes (L-Aspartate, MDH, LDH, EDTA, Tris buffer, pH tại 30 độ C, Stabilizer) R2 - Coenzym (Tris buffer, NADH, 2-Oxoglutarate, Stabilizer). Dải tuyến tính: 9 - 500 IU/ L. Giới hạn phát hiện: khoảng 5 IU/L. Độ nhạy tính toán: khoảng 0.0063 Abs/ phút cho 10 IU/L. C.V: 1.6 % (mức cao). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 : 2016	Hộp	R1: 4 x 30 ml R2: 1 x 30 ml	5	
6	ALT/GPT	Đo nồng độ men gan ALT trong huyết tương và huyết thanh. Thành phần: R1 - Buffer enzymes (L-Alanine, LDH, EDTA, Tris Buffer, pH tại 30 độ C, Stabilizer); R2 - Coenzym (Tris Buffer, NADH, 2-Oxoglutarate, Stabilizer). Dải tuyến tính: 10 - 390 IU/L. Giới hạn phát hiện: Khoảng 9 IU/L. Độ nhạy tính toán : khoảng 0.0066 Abs/ phút cho 10 IU/L. C.V: 1.4 % (mức cao). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Hộp	R1: 4 x 30 ml R2: 1 x 30 ml	5	

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số lượng	Ghi chú
7	Urea-BUN	Đo nồng độ Ure trong huyết tương, huyết thanh hoặc nước tiểu. Thành phần: R1 - Buffer Enzyme (Tris pH 7.9 ±0.1 tại 30 độ C, Urease, GLDH, Oxoglutarate, Preservative); R2 - Coenzyme (NADH, Preservative); R3 - Standard (Urea). Dải tuyến tính: 11 - 250 mg/dL. Giới hạn phát hiện: khoảng 1.7 mg/dL. Độ nhạy tính toán: Khoảng 0.0014 Abs/phút cho 1 mg/dL. C.V: 1.7 % (mức cao) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Hộp	R1: 4 x 30 ml R2: 1 x 30 ml R3: 1 x 10 ml	5	
8	Creatinine	Đo nồng độ Creatinine trong huyết tương, huyết thanh hoặc nước tiểu. Thành phần: R1- CREATININE Reagent 1 (Disodium Phosphate, Sodium hydroxide); R2 - CREATININE Reagent 2 (Sodium dodecyl sulfate, Picric acid pH 4.0); R3 - CREATININE Standard. Dải tuyến tính: 35 - 1328 µmol/L (15 mg/dL). Giới hạn phát hiện: 20 µmol/L (0.23 mg/dL). Độ nhạy tính toán: khoảng 0.017 Abs/ 120s cho 1 mg/dL (88.5 µmol/L). C.V: 3.4% (level 1). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 :2016		R1: 1 x 125 ml R2: 1 x 125 ml R3: 1 x 10 ml	3	
9	Uric Acid	Đo nồng độ acid uric trong huyết tương, huyết thanh hoặc nước tiểu. Thành phần: R1 - Buffer (Tris pH 8 tại 25 độ C, Dichlorohydroxybenzen sulfonate, Potassium hexacyanoferrate (II), 3-DDAPS, EDTA, Preservative); R2 - Enzymes (Peroxidase, Amino-antipyrine, Uricase, Preservative); R3 - Standard (Uric Acid). Dải tuyến tính: 0.36mg/dL (LQ) - 25 mg/dL. Giới hạn phát hiện: khoảng 0.36 mg/dL. Độ nhạy tính toán (505 nm): khoảng 0.0451 Abs cho 1 mg/dL. C.V: 1.05 % (mức cao) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016		R1: 4 x 30 ml R2: 1 x 30 ml R3: 1 x 10 ml	2	
Tổng cộng: 09 mặt hàng						

Phục lục 1

Tên đơn vị báo giá:

Địa chỉ:

SĐT/FAX:

Email:



Mẫu kèm thông báo báo giá số: 81 Ngày 22 tháng 02 năm 2023

BẢNG CHÀO GIÁ HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

Kính gửi: Trung Tâm Y Tế Huyện Tân Châu

STT	Tên hàng hóa	Phân nhóm theo TT14/20	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Chủng loại (Model)	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Hạn dùng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số GPLH/G PNK/TK HQ	Tiêu chuẩn	Mã Kế Khai	Giá kê khai trên website https://congkhaigiadmec.moh.gov.vn/	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành Tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng.....mặt hàng															Tổng hành tiền:	...

(Giá kê khai trên website Bộ Y Tế: được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 98/NĐ-CP, ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị Y Tế)

Ghi chú:

Tổng giá trị của hàng hóa đã bao gồm chi phí vận chuyển, thuế VAT và các loại thuế, phí khác theo quy định hiện hành.

Địa điểm giao hàng: Tại khoa Dược Trung Tâm Y Tế huyện Tân Châu

Thời gian hiệu lực của báo giá:.....

Các điều kiện liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, thanh toán..... Khác (nếu có)

.....ngày.....tháng.....năm 2023

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ CUNG CẤP

(Ký tên, đóng dấu)